

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11/4/2025.
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Hà Đức Anh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu R, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu R, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến ngày 23/7/2019 thì chị và anh C đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có 06 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/6/1995; cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19/11/1997; cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 03/12/1999; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 19/11/2002; cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 24/01/2007; cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 28/5/2009. Cháu H đã chết nên chị không yêu cầu giải quyết. Cháu H1, cháu H2, cháu H3, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động tự túc nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Còn cháu T1 hiện nay đang với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu T1 và chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Nguyễn Việt C*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2024 bà Nguyễn Thị H4 (mẹ đẻ anh C) trình bày*: Chị Đ và anh C được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 23/7/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên thực tế chị Đ và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ những năm 1995 đến năm 2019 mới đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, cụ thể như nào thì bà không rõ. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, không còn chung sống cùng anh C nữa. Nay chị Đ xin ly hôn anh C, bà mong muốn anh chị về đoàn tụ để chung sống cùng nhau. Nếu chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc chị Đ xin ly hôn anh C biết rõ, nhưng do anh bận đi làm nên không đến Toà án làm việc được. Anh C làm lao động tự do nhưng vẫn đi về nhà ở khu R, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chị Đ và anh C có 06 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/6/1995 (cháu H đã chết); cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19/11/1997; cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 03/12/1999; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 19/11/2002; cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 24/01/2007; cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 28/5/2009. Trường hợp anh chị ly hôn bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, sau khi Toà án lập biên bản ghi ý kiến của bà H4 cùng với sự chứng kiến của các thành phần tham gia, bà H4 đã trình bày quan điểm như trên nhưng bà không đồng ý ký vào biên bản lấy lời khai và bất kỳ văn bản tố tụng nào của Toà án. Bà cho rằng việc ly hôn của chị Đ và anh C là do anh chị tự quyết định, bà không muốn liên quan.

4, *Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thu T1*: Cháu T1 có nguyện vọng xin ở với chị Đ.

5, Qua xác minh tại UBND Phường Vĩ ngày 27/12/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Đ và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn 23/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên thực tế khi chưa đăng ký kết hôn anh chị chung sống với nhau như vợ chồng và có con chung. Đến năm 2019 chị Đ, anh C mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống nên chung sống không hạnh phúc. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở và từ đó không quay về chung sống cùng anh C nữa, anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị Đ xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị Đ và anh C có 06 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/6/1995; cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19/11/1997; cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 03/12/1999; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 19/11/2002; cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 24/01/2007; cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 28/5/2009. Cháu H đã chết năm 1997. Nay chị Đ xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Việt C.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 28/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T1 thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Đ tự nguyện không yêu cầu. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19/11/1997; cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 03/12/1999; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 19/11/2002; cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 24/01/2007 đã thành niên (trên 18 tuổi), chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Đối với cháu Nguyễn Văn H (đã chết), chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh C có hộ khẩu thường trú tại khu R, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị Đ có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh C đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh C là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 23/7/2019 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị Đ cho rằng vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống. Phía anh C Tòa án báo gọi nhiều lần, anh C biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị Đ và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh C là bà Nguyễn Thị H4 xác nhận quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau

trong cuộc sống vợ chồng, cụ thể như nào thì bà không rõ. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, không còn chung sống cùng anh C nữa. Nếu chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung cấp quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở và từ đó không quay về chung sống cùng anh C nữa, anh chị. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh C đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị Đ được ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh C có 06 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/6/1995; cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19/11/1997; cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 03/12/1999; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 19/11/2002; cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 24/01/2007; cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 28/5/2009. Cháu H1, cháu H2, cháu H3, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động tự túc, chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Văn H (đã chết) chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi ly hôn chị Đ đề nghị được nuôi cháu T1 và tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng chị Đ, cháu T1 có nguyện vọng xin được ở với chị Đ. Xét thấy để ổn định chỗ ở, thuận lợi cho sự phát triển của con chung cần giao cháu T1 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Việt C.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 28/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T1 thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Đ tự nguyện không yêu cầu. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19/11/1997; cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 03/12/1999; cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 19/11/2002; cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 24/01/2007 đã thành niên (trên 18 tuổi), chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Đối với cháu Nguyễn Văn H (đã chết), chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005006 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền